TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 06 - 5 - 2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2021/TLST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2022/QĐST – DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Ngọc H**, sinh năm: 1986
Địa chỉ: Ấp Phước Hưng 2, xã P, huyện C_1, tỉnh Long An
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1971
Địa chỉ: 63D Khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt)

2. Bị đơn: 1/ Ông **Nguyễn Văn O**, sinh năm: 1962 (vắng mặt)
2/ Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1966 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hữu T trình bày như sau:

Ngày 19/6/2015 bà Hồ Thị Ngọc H có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N vay số tiền 150.000.000 đồng để mua bán xe, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay tiền hai bên không có lập hợp đồng

vay mà cùng ngày 19/6/2015 vợ chồng ông O, bà N ký hợp đồng ủy quyền sử dụng đất cho bà H tại Văn phòng công chứng L với thời hạn ủy quyền là 12 tháng để thay thế cho hợp đồng vay và giao cho bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 421805 của thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn O đứng tên vào ngày 01/3/2001 để đảm bảo cho khoản tiền vay 150.000.000 đồng. Sau khi vay vợ chồng ông O, bà N không có trả lãi cho bà H và đến nay cũng chưa trả lại tiền vốn vay.

Do đó nay ông đại diện bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông O, bà N phải hoàn trả cho bà H số tiền vốn vay 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 190.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 340.000.000 đồng. Sau khi ông O, bà N trả dứt nợ cho bà H thì bà H sẽ trả lại cho ông O, bà N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601 m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T do ông O đứng tên. Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất ngày 19/6/2015 mà hai bên đã ký tại Văn phòng công chứng L hiện nay đã hết hiệu lực nên ông không có yêu cầu gì.

* Bị đơn bà Trần Thị N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ngày 19/6/2015 vợ chồng bà có vay của bà Hồ Thị Ngọc H số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay tiền thì vợ chồng bà có ký hợp đồng ủy quyền sử dụng đất cho bà H tại Văn phòng công chứng L thay thế cho hợp đồng vay và giao cho bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 421805 ngày 01/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn O đứng tên đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601 m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An để làm tin.

Sau khi vay vợ chồng bà có trả lãi cho bà H mỗi tháng 3.000.000 đồng từ năm 2015 cho đến năm 2019 thì mới ngưng do không có tiền để trả lãi nữa. Việc vợ chồng bà trả lãi cho bà H thì có lập giấy xác nhận có bà H ký tên nhưng nay đã bị thất lạc mất nên bà không thể cung cấp cho Tòa án được.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà trả cho bà H số tiền vốn vay 150.000.000 đồng thì bà đồng ý nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hoàn cảnh hiện nay của gia đình bà rất khó khăn. Về yêu cầu tính lãi của bà H thì bà không đồng ý trả lãi số tiền 190.000.000 đồng vì bà đã trả lãi cho bà H rất nhiều từ năm 2015 đến năm 2019 mới ngưng trả lãi. Đồng thời bà yêu cầu bà H trả lại cho vợ chồng bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 421805 ngày 01/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn O đứng tên đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Về hợp đồng ủy quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với bà H lập ngày 19/6/2015 tại Văn phòng công chứng L hiện nay đã hết hiệu lực nên bà không có yêu cầu gì.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn O đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do ông O bị bệnh tai biến mạch máu não không còn

khả năng nói chuyện và việc cử động tay chân cũng gặp khó khăn nên không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án được và cũng không thể nộp bản tường trình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

* Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn bà Trần Thị N đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Văn O đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông O là đúng quy định.

* Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc H; buộc ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên dới trả cho bà H số tiền vốn vay 150.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà H do hết thời hiệu khởi kiện.

Đối với hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất lập ngày 20/6/2015 tại Văn phòng công chứng L có thời hạn ủy quyền 12 tháng tính đến nay đã hết hiệu lực, buộc bà H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 421805 ngày 01/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn O đứng tên đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định tạm ngừng phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa phiên tòa cho ông Nguyễn Văn O nhưng ông O không đến tham gia phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông O.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tranh chấp giữa bà Hồ Thị Ngọc H với vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc H là ông Trần Hữu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N phải hoàn trả cho bà H số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 190.000.000 đồng. Sau khi ông O, bà N trả dứt nợ thì bà H sẽ trả lại cho ông O, bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 421805 ngày 01/3/2001 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn O đứng tên đối với thửa

đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Trần Thị N cũng đồng ý trả lại cho bà H số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi số tiền là 190.000.000 đồng và yêu cầu được trả dần số tiền vốn vay mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Đồng thời bà yêu cầu bà H phải trả lại cho vợ chồng bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 421805 ngày 01/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn O đứng tên đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An mà bà H đang giữ.

[2.3] Xét thấy:

[2.3.1] Về số tiền vốn vay: Khi bà H cho vợ chồng ông O, bà N vay số tiền 150.000.000 đồng thì hai bên không có lập hợp đồng vay. Tuy nhiên bà N cũng thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà H 150.000.000 đồng, có ký hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2015 tại Văn phòng công chứng L thay thế cho hợp đồng vay và cũng đồng ý trả cho bà H số tiền vốn vay 150.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định giữa bà H và vợ chồng ông O, bà N có xác lập quan hệ vay mượn tiền nên bà H yêu cầu vợ chồng ông O, bà N trả lại số tiền vốn vay 150.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3.2] Về tiền lãi: Xét thấy hợp đồng vay giữa bà H và vợ chồng ông O, bà N được xác lập từ ngày 19/6/2015, bà N trình bày có trả lãi cho bà H từ khi vay đến năm 2019 mới ngưng không trả lãi nữa nhưng phía bà H không thừa nhận có nhận bất kỳ khoản tiền lãi từ ông O, bà N và bà N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả lãi nên Hội đồng xét xử xác định vợ chồng ông O, bà N không có trả lãi cho bà H từ khi vay đến nay. Do bà H không có nhận tiền lãi từ vợ chồng ông O, bà N từ khi cho vay đến nay nhưng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày hết thời hạn vay bà H lại không yêu cầu Tòa án giải quyết nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay đã hết theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 vì vậy bà H chỉ được quyền đòi lại tài sản cho vay là số tiền 150.000.000 đồng mà không được quyền yêu cầu tính lãi. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu buộc vợ chồng ông O, bà N trả số tiền lãi 190.000.000 đồng của bà H.

[2.3.3] Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn O mà bà H đang giữ: Bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 421805 ngày 01/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn O đứng tên đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An theo hợp đồng uỷ quyền sử dụng đất ngày 19/6/2015 và thời hạn uỷ quyền đến nay đã hết, do đó bà N yêu cầu bà H phải trả lại cho vợ chồng ông O, bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01 là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N phải chịu trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên số tiền vốn vay 150.000.000 đồng phải trả cho bà Hồ Thị Ngọc H. Tuy nhiên ông O là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí còn bà N phải nộp án phí của phần còn lại.

Bà Hồ Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên số tiền lãi 190.000.000 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 165; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 429, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc H đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Hồ Thị Ngọc H số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hồ Thị Ngọc H cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Ngọc H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N phải trả cho bà H số tiền lãi là 190.000.000 đồng.

Buộc bà Hồ Thị Ngọc H phải trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 421805 ngày 01/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn O đứng tên đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 01, diện tích 601 m^2, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn O, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới nộp 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông Nguyễn Văn O là người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền 3.750.000 đồng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Bà Trần Thị N phải nộp 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị Ngọc H phải nộp 9.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 8.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005702 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà H còn phải nộp tiếp số tiền là 1.000.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến Trinh